

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 206/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29/12/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên và ông Hoàng Việt Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Kiều Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 850/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 181/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Kim H trình bày:

Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Quốc B tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B ngày 19/9/2019.

Sống chung hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên bà H có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Nguyễn Quốc B.

Về con chung: Bà H, ông B có 01 con chung là Nguyễn Trần Thiện N, sinh ngày 28/01/2020. Nguyên vọng của bà H là được chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Quốc B trình bày: Ông Nguyễn Quốc B xác nhận những nội dung như bà H đã trình bày về quá trình tìm hiểu, kết hôn, con chung giữa ông Nguyễn Quốc B và bà Trần Thị Kim H là đúng.

Quá trình sống chung thì vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông B muốn vợ chồng đoàn tụ để về nuôi dạy con cái nên ông B không chấp nhận ly hôn với bà Trần Thị Kim H.

Về con chung: Ông B, bà H có 01 con chung là Nguyễn Trần Thiện N, sinh ngày 28/01/2020. Do không đồng ý ly hôn nên ông B đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H được ly hôn ông Nguyễn Quốc B.

Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Trần Thiện N, sinh ngày 28/01/2020 cho bà Trần Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Quốc B có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp.

[2]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Quốc B cư trú tại xã H, thành phố B, Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Quốc B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/9/2019 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim H trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, không còn khả năng đoàn tụ nên bà H có nguyện vọng được ly hôn với ông B, ông B không chấp nhận ly hôn vì muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác nhận trong quá trình sống chung bà H, ông B có phát sinh mâu thuẫn, về nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn thì địa phương không nắm.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Quốc B đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Bà H, ông B có 01 con chung là Nguyễn Trần Thiện N, sinh ngày 28/01/2020. Bà Trần Thị Kim H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, ông Nguyễn Quốc B không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo quy định pháp luật. HĐXX xét thấy con chung đang còn nhỏ, chị H có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Do đó, vì quyền lợi, cũng như đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, cần giao con chung là cháu Nguyễn Trần Thiện N cho mẹ là bà Trần Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Quốc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim H không yêu cầu ông Nguyễn Quốc B cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H được ly hôn ông Nguyễn Quốc B.

Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Trần Thiện N, sinh ngày 28/01/2020 cho bà Trần Thị Kim H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Quốc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Kim H không yêu cầu ông Nguyễn Quốc B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0004773 ngày 16/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- TAND tỉnh Đắk Lắk,
- CCTHADSTP.B;
- UBND xã H;
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Đình Thanh